| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ N**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 88/2024/HS-ST
Ngày: 19-4-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Văn Bang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Loan

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc N**, sinh năm 1979; nơi sinh: Tỉnh Nam Định; Số CMND: 162726172; nơi cư trú: Số 3C/18 H, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc P và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Không; tiền án: Bản án số 17/HSST ngày 18-01-2005 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản", Bản án số 119/2010/HSST ngày 26-4-2010 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", Bản án số 157/2013/HSST ngày 16-5-2013 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", Bản án số 234/2020/HSST ngày 31-7-2020 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 25-5-2023); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24-3-2004 Công an thành phố N xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh

cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản", ngày 11-01-2013 Công an phường H, thành phố N xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị tạm giữ ngày 13-01-2024, chuyển tạm giam ngày 19-01-2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; có mặt.

- Bị hại: Cháu Vũ Minh T, sinh ngày 14-10-2008; nơi cư trú: Số 3 phố H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 3 phố H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số 8A 2 tầng số 2 Tập thể Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 08-01-2024, Trần Quốc N đi bộ lang thang trên các tuyến đường thành phố N mục đích tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu vực ngõ 3 đường H, phường N, thành phố N, N phát hiện trong ngõ dựng 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, màu xám, biển kiểm soát 18MĐ1 – 242.88 của cháu Vũ Minh T, sinh ngày 14-10-2008, trú tại số 3 đường H, phường N, thành phố N, đầu xe hướng vào bên trong ngõ, đuôi xe hướng ra đường H. Thấy không có người trông coi, quản lý và xung quanh không có người qua lại, N lén lút dắt lùi chiếc xe từ trong ngõ ra ngoài đường H. Do không có chìa khóa xe nên N dắt xe đến gửi nhà ông Trần Văn P, sinh năm 1970, trú tại 12/41 đường T, phường T, thành phố N nhưng ông Phong không đồng ý. N dắt xe ra đường đê Sông Đ, khu vực gầm cầu Đ, thành phố N tháo biển số xe ném xuống sông Đ rồi tự đấu dây điện để xe hoạt động, sau đó N điều khiển xe đến quán nước tại khu vực Quảng trường Hòa Bình, phường T, thành phố N gặp bạn là chị Trần Thị Hồng, sinh năm 1986 hỏi chỗ bán xe máy điện. Chị Hồng giới thiệu đến nhà mẹ đẻ là bà Trần Thị Đ, sinh năm 1950, trú tại tại 8A 2 tầng số 2 Tập thể Đ, phường N, thành phố N. N điều khiển xe đến nhà bà Định, đặt vấn đề bán xe và nói dối là xe của mình nhưng bị mất giấy đăng ký xe và chìa khóa xe bị rơi. Bà Định đồng ý mua chiếc xe máy điện với giá 1.500.000 đồng và yêu cầu N viết giấy cầm cố do xe không có giấy tờ đăng ký. Do N không biết chữ nên bà Định nhờ cháu là anh Trần Đại, sinh năm 1989, trú tại số 10 Năng Tĩnh, phường N, thành phố N viết hộ rồi N ký tên xác nhận, giấy cầm cố do bà Định giữ. Số tiền bán xe, N tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, cháu Vũ Minh T đến Công an phường N,

thành phố N, tỉnh Nam Định trình báo. Quá trình điều tra, Trần Quốc N đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy điện cùng giấy cầm cố xe do bà Trần Thị Đ tự nguyện giao nộp. Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 16-01-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N, kết luận chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, màu xám, không treo biển kiểm soát trị giá 8.500.000 đồng.

Chiếc biển kiểm soát 18MĐ1 – 242.88 cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là cháu Vũ Minh T, cháu T và người giám hộ không có đề nghị gì khác, đồng thời không yêu cầu bồi thường đối với chiếc biển kiểm soát 18MĐ1 – 242.88.

Về vấn đề dân sự: Bà Trần Thị Đ yêu cầu Trần Quốc N trả lại số tiền 1.500.000 đồng. Hiện N chưa trả cho bà Định số tiền trên.

Bản Cáo trạng số 80/CT-VKS ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Quốc N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, bị cáo Trần Quốc N khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Quốc N theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Quốc N phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt chính: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Quốc N từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về dân sự: Buộc bị cáo Trần Quốc N trả cho bà Trần Thị Đ số tiền mua chiếc xe máy điện là 1.500.000 đồng.

- Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quốc N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc N và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo Trần Quốc N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ như: Lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTS ngày 16-01-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 50 phút ngày 08-01-2024, tại ngõ 3 đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định, Trần Quốc N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, màu xám, biển kiểm soát 18MĐ1 – 242.88 trị giá 8.500.000 đồng.

Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện vì mục đích tư lợi, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Trước đó, bị cáo đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra cơ quan công an đầu thú và quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi trộm cắp tài sản bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì mục đích tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về các tội xâm phạm quyền sở hữu và các tội phạm về ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, tu dưỡng bản thân. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức án nghiêm khắc trong khung đã truy tố đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vấn đề dân sự:

- Cháu Vũ Minh T đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO. Cháu Vũ Minh T và người đại diện theo pháp luật của cháu T là chị Trần Thị Ngọc H (mẹ của cháu T) không yêu cầu bồi thường đối với chiếc biển kiểm soát 18MĐ1 – 242.88 đã mất nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Bà Trần Thị Đ yêu cầu bị cáo Trần Quốc N trả lại số tiền 1.500.000 đồng là số tiền bà Định đã bỏ ra để mua chiếc xe máy điện. Do bà Trần Thị Đ không biết tài sản do bị cáo Trần Quốc N trộm cắp mà có. Vì vậy, yêu cầu của bà Trần Thị Đ là có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Quốc N phải trả lại cho bà Trần Thị Đ số tiền 1.500.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Quốc N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 13-01-2024.

2. Về vấn đề dân sự:

Căn cứ Điều 275, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Trần Quốc N phải trả lại bà Trần Thị Đ số tiền 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Trần Quốc N phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Quốc N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là cháu Vũ Minh T và người đại diện theo pháp luật của cháu Vũ Minh T là chị Phạm Thị Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

5. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- VKSND TP. N (02 bản);
- TAND tỉnh Nam Định;
- Công an TP. N;
- Cơ quan THA Hình sự - CATP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Bang**